

Bản án số: **147/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**.

2. Bà **Trần Thị Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1017/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tổng Thị H**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: A2/42A ấp 1, xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: A2/30B ấp 1, xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tổng Thị H trình bày: Bà Tổng Thị H và ông Nguyễn Thanh P bắt đầu chung sống vào năm 1996, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tịnh Biên, tỉnh Tây Ninh vào ngày 07/9/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2004 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P thường xuyên uống rượu bia, không lo làm ăn và không quan tâm chăm lo cho vợ con. Đã nhiều lần bà H khuyên ông P hạn chế uống rượu bia để làm ăn chăm lo cho gia đình nhưng ông P vẫn không thay đổi. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên bà H và ông P sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà H và ông P chung sống với nhau có 02 con chung là trẻ Nguyễn Tổng Anh T, sinh ngày 15/12/1998, giới tính: nữ và trẻ Nguyễn Tổng Anh TH; sinh ngày 13/11/2009, giới tính: nữ. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ TH và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Tổng Anh T, sinh ngày 15/12/1998, giới tính: nữ, đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông P chung sống với nhau không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ông Nguyễn Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tổng Thị H nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thanh P hiện nay đang cư trú tại A2/30B ấp 1, xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Thanh P đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Tổng Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tịnh Biên, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07/9/1999 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Tổng Thị H và ông Nguyễn Thanh P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà Tống Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông P để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà H hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà H thì quan hệ vợ chồng của bà H và ông P đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2004, nguyên nhân là do ông P thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và sống không có trách nhiệm với gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà H và ông P đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại công văn số 2995/UBND ngày 25/7/2017 về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Trong thời gian bà Tống Thị H và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P có bạo lực gia đình, cụ thể ông P mỗi khi uống rượu về nhà thì có hành vi đánh bà H và các con. Bà H và ông P đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, hiện nay bà H đang sống ở nhà riêng cùng với trẻ Nguyễn Tống Anh T và trẻ Nguyễn Tống Anh TH.

Mặt khác, do ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông P không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tống Thị H đối với ông Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Bà Tống Thị H xác nhận bà và ông Nguyễn Thanh P có 02 con chung là Nguyễn Tống Anh T, sinh ngày 15/12/1998, giới tính: nữ và trẻ Nguyễn Tống Anh TH; sinh ngày 13/11/2009, giới tính: nữ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ TH và trẻ TH có nguyện vọng được sống chung với bà H.

Theo bà H thì hiện nay bà H có điều kiện tốt hơn ông P trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ TH; bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Do ông P vắng mặt và không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về con chung giữa ông và bà H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà H, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do bà H tự nguyện không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung và nợ chung giữa ông và bà H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung theo yêu cầu của bà H, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Tổng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tổng Thị H đối với ông Nguyễn Thanh P.

Bà Tổng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Giấy chứng nhận kết hôn 24, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tịnh Biên, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07 tháng 9 năm 1999 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Tổng Anh TH; sinh ngày 13/11/2009, giới tính: nữ cho bà Tổng Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh P. Đối với chị Nguyễn Tổng Anh T, sinh ngày 15/12/1998, giới tính: nữ, đã trưởng thành.

Ông Nguyễn Thanh P có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Tổng Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Tổng Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Tổng Thị H chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0020792 ngày 06/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã Thanh Bình,
huyện Tịnh Biên, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng